

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG XƯƠNG
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 15 /2021/HNGĐ-ST

Ngày: 24 - 9 -2021

V/v: *Ly hôn, tranh chấp
nuôi con khi ly hôn*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG XƯƠNG, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Lệ Thanh
2. Bà Hoàng Thị Thúy

- Th- ký phiên tòa: Bà Trần Thị Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương tham gia phiên tòa : Bà Nguyễn Thị Hương Giang - Kiểm sát viên

Hôm nay ngày 24 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 133/2021/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2021 về việc: *Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*. Theo quyết định đ- a vụ án ra xét xử số 16/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2021 giữa các đ- ơng sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị S - sinh năm 1993

Địa chỉ: Thôn 5, xã T, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

- Bị đơn : Anh Nguyễn Văn B - sinh năm 1991

ĐKKHKT: Thôn 5, xã T, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ở hiện nay: Thôn N, xã T thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Tại phiên tòa vắng mặt chị S, anh B (chị S, anh B đều có đơn xin xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và đ- ợc bổ sung bằng lời khai cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ, nguyên đơn chị Nguyễn Thị S trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Văn B xây dựng gia đình với nhau tháng 7 năm 2017, trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (xã Q cũ) nay là xã T, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại gia đình anh Bình, do công việc nên anh Bình phải đi làm ăn xa tại Quảng Ngãi

thỉnh thoảng mới về thăm vợ con và gia đình. Vợ chồng hòa thuận được một năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh B sống xa vợ con nên có quan hệ không lành mạnh với người con gái khác, dẫn đến không quan tâm trách nhiệm đến gia đình, vợ con, ít về thăm nhà. Mỗi lần anh B về thì vợ chồng lại to tiếng với nhau, không tìm được tiếng nói chung. Mâu thuẫn vợ chồng cũng đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng không có kết quả. Bản thân chị đã đưa con về bên ngoại ở cho đến nay, vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm trách nhiệm đến nhau nữa. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, sống không hạnh phúc, chị đề nghị tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh B.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung cháu Nguyễn Minh A sinh 25/01/2018, hiện nay chị đang trực tiếp nuôi cháu. Ly hôn nguyện vọng của chị xin được nuôi cháu Minh A, anh B có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi cháu đến tuổi thành niên.

Về tài sản, công nợ: Chị không yêu cầu tòa án giải quyết.

**Anh Nguyễn Văn Bình trình bày:* Anh và chị S kết hôn với nhau tháng 7 năm 2017, về thời gian và điều kiện kết hôn như chị S trình bày là đúng. Sau khi cưới vợ chồng chung sống bên gia đình anh, do công việc nên sau khi kết hôn anh vào Quảng Ngãi làm ăn thì thoảng mới về nhà, cô S công tác tại địa phương. Thời gian vợ chồng hòa thuận được 01 năm thì xảy ra mâu thuẫn, do anh không có thời gian thường xuyên về thăm nhà, vợ chồng ở xa nhau nên không chia sẻ thấu hiểu cho nhau được đã phát sinh mâu thuẫn nghi ngờ nhau, hai bên gia đình đã trao đổi phân tích nhưng chỉ được thời gian lại mâu thuẫn, do vợ chồng cách xa nhau thường xuyên nên cô S không còn niềm tin vào anh nữa. Nay cô S có đơn xin ly hôn, anh cũng xét thấy vợ chồng không thể chung sống gần nhau được, sống không hạnh phúc, nên anh cũng đồng ý ly hôn cô Sen.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung cháu Nguyễn Minh A sinh 25/01/2018 như cô S trình bày là đúng, hiện nay cháu đang ở với mẹ, nay cô S có nguyện vọng nuôi con anh đồng ý để cô S trực tiếp nuôi dưỡng cháu, anh có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con hàng tháng 2.000.000đ cho đến khi cháu đến tuổi thành niên.

Về tài sản, công nợ: Anh không yêu cầu giải quyết.

** Tại phiên tòa hôm nay:* Chị S là nguyên đơn vắng mặt (chị S có đơn xin xử vắng mặt do nơi chị sinh sống hiện nay đang thực hiện giãn cách do dịch Covid 19 theo Chỉ thị 15 của Chính Phủ, nên chị không thể đến phiên tòa được). Anh B là bị đơn vắng mặt (anh Bình cũng có đơn xin xử vắng mặt do công việc và tình hình dịch bệnh Covid 19 nên anh về dự phiên tòa được)

** Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát huyện Quảng Xương phát biểu ý kiến:*

Về tố tụng: Tòa án và đương sự đã tuân thủ đúng theo qui định của luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết cũng như xét xử vụ án. Đối với anh B là bị đơn đã được tòa án giao các văn bản tố tụng, anh đã nhận được và có bản tự khai

cũng như có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt hợp lệ. Đối với chị S là nguyên đơn sau khi nhận Quyết định đưa vụ án ra xét xử và trước khi mở phiên tòa chị có đơn xin xử vắng mặt, nên căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị Tòa án vẫn đ- a vụ án ra xét xử theo qui định của pháp luật.

Về đường lối: Đề nghị tòa án chấp nhận đơn xin ly hôn của chị S. Xử cho chấp nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị S và anh B. Chấp nhận sự thống nhất của anh chị giao cháu Nguyễn Minh A, sinh 25/01/2018 là con chung của anh chị cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng, anh B có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng 2000.000đ cho đến khi cháu đến tuổi thành niên. Về tài sản, công nợ anh chị không yêu cầu nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã đ- ọc thẩm tra tại phiên tòa và công bố các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, chị S, anh B có đơn xin xử vắng mặt, Căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn đ- a vụ án ra xét xử theo qui định của pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Chị S và anh B kết hôn tháng 7 năm 2017, có tìm hiểu tự nguyện, có tổ chức c- ối, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị đã có 01 năm sống với nhau hòa thuận, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do vợ chồng sống xa nhau, do công việc anh B không thường xuyên về thăm vợ con và gia đình, nên vợ chồng không có thời gian bên nhau để động viên, chia sẻ, trao đổi những công việc trong cuộc sống hàng ngày, dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, nghi ngờ nhau, lòng tin với nhau không còn, cả hai anh chị mỗi người sống một cuộc sống riêng, chị đã đưa con về bên ngoại ở cho đến nay. Qua xác minh tại địa phương cũng phản ánh anh Bình đi làm ăn xa, ít khi ở nhà, chị Sen đã về bên ngoại ở, vợ chồng không sống cùng nhau. Nay cả hai anh chị đều xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, sống không hạnh phúc và đều thống nhất thuận tình ly hôn. Căn cứ Điều 51, 55 Luật HNGĐ chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Sen và xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa hai anh chị.

[3] Về con chung: Anh chị có 01 con chung cháu Nguyễn Minh A sinh 25/01/2018, hiện nay chị đang trực tiếp nuôi cháu. Việc anh chị thống nhất giao con cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng và anh có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng 2000.000đ cho đến khi cháu đến tuổi thành niên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với qui định của pháp luật, nghĩ nên công nhận sự thỏa thuận nuôi con và cấp dưỡng tiền nuôi con của anh chị.

[4] Về tài sản, công nợ: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 6; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Chị Sen phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Anh B phải chịu 300.000đ tiền cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; 55; 81; 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

- Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của chị Nguyễn Thị S .

Xử: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị S và anh Nguyễn Văn B.

- Về con chung: Anh, chị có 01 con chung cháu Nguyễn Minh A sinh 25/01/2018. Chấp nhận sự thống nhất của anh chị giao cháu Nguyễn Minh A cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng, anh B có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 10/2021 trở đi cho đến khi cháu đến tuổi thành niên. Anh B được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản, công nợ: Anh, chị không yêu cầu toà án giải quyết.

- Về án phí: Chị S phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, nh- ng đ- ợc trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0000490 ngày 13/7/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá (chị đã nộp đủ). Anh B phải chịu 300.000đ tiền cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ.

Chị S, anh B có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đ- ợc bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận

- Các đ- ơng sự
- Chi cục THADS huyện Q
- VKSND huyện Q
- UBND xã T, huyện Q
- L- u hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Bùi Thị Huyền

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Lệ Thanh

Hoàng Thị Thúy

Bùi Thị Huyền

